

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2021

“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Đào

2. Ông Nguyễn Thành Thật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoàng Hật – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Danh Toàn V, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Phan Văn Chanh L – Luật sư của Văn phòng luật sư Thiện Tâm thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (có mặt);

*Bị đơn:* Chị Trần Thị Bích D – sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh Toàn V trình bày:*

Vào năm 2012, sau thời gian tự tìm hiểu, anh và chị D đã tự nguyện sống chung với nhau, được gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ vào ngày 01/3/2019.

Vợ chồng anh sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Nay, anh nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Thời gian chung sống, vợ chồng anh có một người con chung tên Danh Trần Thúy V1, sinh ngày 08/9/2016 do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: Anh V xác nhận không có.

Tại phiên tòa, về hôn nhân anh Danh Toàn V yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Bích D. Về con chung anh đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn chị Trần Thị Bích D không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng chị D không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

\* *Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Danh Toàn V là ông Phan Văn Chanh L phát biểu ý kiến như sau:* Anh V và chị D là vợ chồng hợp pháp nhưng khi sống chung do hai người không hợp, thường xuyên cãi nhau và chị D cũng bỏ gia đình đi nhiều lần, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không còn hạnh phúc nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh V được ly hôn với chị D; về con chung anh V đồng ý giao con cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng vì chị D đã dẫn con đi từ khi vợ chồng ly thân đến nay và Anh V không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho anh Danh Toàn V được ly hôn với chị Trần Thị Bích D. Về con chung: Giao con chung tên Danh Trần Thúy V1, sinh ngày 08/9/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Danh Toàn V khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Bích D được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chị Trần Thị Bích D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh V và chị D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 01/3/2019, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh V được ly hôn với chị D vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng anh chị đã tự ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Đối với chị D, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị D đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh V khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh không gặp mặt nhau và anh cũng không còn tình cảm với chị D; đồng thời, Anh V cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị D. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa anh V và chị D mới phát sinh sự bất đồng quan điểm và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh V khai vợ chồng anh có một người con chung tên Danh Trần Thúy V1, sinh ngày 08/9/2016 và chị V1 do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay nên anh V đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Qua thẩm tra, xác minh tại địa phương cho thấy, từ khi ly thân đến nay, chị V1 sống cùng với chị D, do một mình chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và chị V1 cũng được phát triển bình thường về mọi mặt. Vì vậy, việc anh V đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D không có ý kiến và yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con và anh V cũng không cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bị đơn chị Trần Thị Bích D: Qua thẩm tra xác minh trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, chị D vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng chị D đã đi làm xa thường xuyên không có ở nhà nên Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng giao cho người thân thích của bị đơn có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú của chị D nhận thay đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của chị D.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh V là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, anh Danh Toàn V phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận cho anh Danh Toàn V được ly hôn với chị Trần Thị Bích D.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Danh Trần Thúy V1, sinh ngày 08/9/2016 cho chị Trần Thị Bích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh Toàn V không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Miễn xét.

**4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Anh Danh Toàn V phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009515, ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Danh Toàn V đã nộp xong án phí.

**5.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND TT. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Danh Thị Kiều Oanh**